

Số: 2781097

|                                            | Sorento Hybrid Signature     | NEW PEUGEOT 5008 GT          |
|--------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>1.247.000.000đ</b>        | <b>1.209.000.000đ</b>        |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                              |                              |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4810 x 1900 x 1700           | 4670 x 1855 x 1655           |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2815                         | 2840                         |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5780                         | 5400                         |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 176                          | 165                          |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 2090                         | 1570                         |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2650                         | 2200                         |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 357                          | 780                          |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 67                           | 56                           |
| Số chỗ ngồi                                | 7                            | 7                            |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước             | SX-LR trong nước             |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                              |                              |
| Loại động cơ                               | SmartStream 1.6 Turbo Hybrid | 1.6L Turbo High Pressure     |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1598                         | 1599                         |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 227 Hp                       | 165 @ 6000                   |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 350 Nm                       | 245 @ 1400 - 4000            |
| Hộp số                                     | 6AT                          | 6AT                          |
| Hệ thống dẫn động                          | 2 cầu AWD                    | Cầu trước (FWD)              |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson                    | Độc lập Mc Pherson           |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm             | Bán độc lập                  |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                          | Đĩa                          |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                          | Đĩa                          |
| Thông số lốp xe                            | 235/55 R19                   | 235/50 R19                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 5.9 L/100km                  | 11,52                        |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.9 L/100km                  | 7,07                         |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 5.8 L/100km                  | 8,69                         |
| Chế độ lái                                 | Eco/Sport/Smart              | Normal/Sport/Manual          |
| Chế độ địa hình                            | Snow/Mud/Sand                | Normal/Snow/Mud/Sand/ESP Off |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                              |                              |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector                | LED Projector                |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần       | ●                            | ●                            |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                            | ● (Nhanh sự tử)              |
| Đèn sương mù                               | LED                          |                              |
| Cụm đèn sau                                | LED                          | LED                          |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                            | ●                            |
| Gạt mưa tự động                            | ●                            | ●                            |
| Cửa sổ trời                                | ●                            | ●                            |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                              |                              |
| Vô lăng bọc da                             | ●                            | ●                            |
| Chất liệu ghế                              | Da                           | Da Claudia Habana            |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                            | ●                            |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                            | ●                            |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                            |                              |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát        | ●                            |                              |

|                                    |             |                                               |
|------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------|
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi   | ●           | ●                                             |
| Kính cửa sổ chỉnh điện             | ●           | ● (Kính 2 lớp tại hàng ghế trước)             |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | 12.3"       | 12.3 Inch                                     |
| Màn hình HUD                       | ●           |                                               |
| Màn hình giải trí trung tâm        | 10.25"      | 10 Inch                                       |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●           | ●                                             |
| Hệ thống điều hòa tự động          | ●           | ● (Kiểm soát chất lượng không khí thông minh) |
| Số vùng khí hậu điều hòa           | 2           | 2                                             |
| Cửa gió cho hàng ghế sau           | ●           | ●                                             |
| Chìa khóa thông minh               | ●           | ●                                             |
| Khởi động nút bấm                  | ●           | ●                                             |
| Khởi động từ xa                    | ●           |                                               |
| Hệ thống âm thanh                  | 12 loa Bose | 10 loa Focal (515W)                           |
| Lấy chuyển số                      | ●           | ●                                             |
| Sạc không dây Qi                   | ●           | ●                                             |
| Phanh đỗ điện tử                   | ●           | ●                                             |
| Giữ phanh tự động Autohold         | ●           |                                               |
| Đèn trang trí nội thất             | ●           | ●                                             |
| Rèm che nắng                       | ●           |                                               |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX         | -           | ●                                             |

**AN TOÀN:**

|                                                 |                           |                            |
|-------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------|
| Số túi khí                                      | 6                         | 6                          |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●                         | ●                          |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●                         | ●                          |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●                         | ●                          |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●                         | ●                          |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●                         | ●                          |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●                         |                            |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & Sau               | Trước & sau                |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ● ( hỗ trợ tránh va chạm) | ●                          |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ● ( hỗ trợ tránh va chạm) |                            |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●                         | ●                          |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●                         | ●                          |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●                         |                            |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | ●                         |                            |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp                   | ●                         | ●                          |
| Camera lùi                                      | Camera 360                | Camera 360 độ + (Ghi hình) |